

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



TÒNG TRUNG HẬU

Lớp : LKT 12 – 01 khóa: 12

**QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC
TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH
LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn:
PGS.TS BÙI XUÂN ĐỨC**

HÀ NỘI – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



TÒNG TRUNG HẬU

Lớp : LKT 12 – 01 khóa: 12

**QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC
TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH
LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn:

PGS.TS BÙI XUÂN ĐỨC

Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 20/3/2022 đến 25/5/2022

HÀ NỘI - 2022

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan những thông tin và tài liệu trong đề tài là do em có được trong quá trình tìm hiểu của em. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Khóa luận đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Ngoài ra, trong bài báo cáo có sử dụng một số nguồn tài liệu tham khảo đã được trích dẫn nguồn và chú thích rõ ràng.

LỜI CẢM ƠN

Đề tài “ Quản lý công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam – Thực trạng và giải pháp ” là nội dung mà em đã nghiên cứu và làm khoá luận tốt nghiệp sau thời gian theo học tại Khoa Luật Kinh Tế, Trường Đại Học Đại Nam.

Để khoá luận thành công nhất, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến với: Khoa Luật Kinh Tế, Trường Đại Học Đại Nam đã tạo môi trường học tập và rèn luyện rất tốt, cung cấp cho em những kiến thức và kỹ năng bổ ích giúp em có thể áp dụng và thuận lợi thực hiện khoá luận.

Giảng viên hướng dẫn PGS.TS Bùi Xuân Đức là người cô tâm huyết, đã tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài. Thầy đã có những trao đổi và góp ý để em có thể hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này. Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn động viên và tạo điều kiện tốt nhất để em có thể nỗ lực hoàn thành tốt bài khoá luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC KÍ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT

Ban Kiểm soát	BKS
Công ty cổ phần	CTCP
Công Ty	CT
Doanh nghiệp nhà nước	DNNN
Luật Chứng Khoán 2019	LCK 2019
Luật doanh nghiệp 2020	LDN 2020
Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCSVN
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Hội đồng quản trị	HĐQT
Giám đốc/Tổng giám đốc	GD/TGD
Kiểm soát viên	KSV
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	GCNĐKKD
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NCHXHCNVN
Tổ chức Thương mại thế giới	WTO
Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế	OECD
Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
Ủy ban kiểm toán	UBKT

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	2
DANH MỤC KÍ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN	10
1.1 Công ty cổ phần và quản lý công ty cổ phần	10
1.1.2 Khái niệm Công ty cổ phần	10
1.1.2 khái niệm quản lý công ty cổ phần	10
1.2 Nội dung về quản lý công ty cổ phần theo pháp luật hiện hành.....	13
1.2.1 Bộ máy quản lý công ty cổ phần	15
1.2.2 Hội nghị cổ đông.....	16
1.2.3 Ban kiểm soát.....	17
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY	19
2.1 Tổ chức máy quản trị Công ty cổ phần.....	19
2.2 Hội nghị cổ đông công ty cổ phần.....	26
2.3 Ban kiểm soát	36
2.4 Đánh giá hoạt động của công ty cổ phần hiện nay.....	38
2.4.1 Về cổ đông trong công ty cổ phần	38
2.4.2 Về Hội đồng quản trị	39
2.4.3 Về Giám đốc/Tổng giám đốc	41
2.4.4 Về Ban Kiểm Soát	43
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN	48
3.1 Hoàn thiện pháp luật về Hội đồng quản trị.....	48
3.2 Hoàn thiện các quy định pháp luật về cổ đông	49

3.3 Hoàn thiện các quy định pháp luật về Giám đốc/ Tổng giám đốc	49
3.4 Quy định rõ về hoạt động Ban kiểm soát.....	49
3.5 Quy định về việc minh bạch hóa các thỏa thuận	50
KẾT LUẬN	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	52

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nền kinh tế của Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới, hiện nay đang trên con đường phát triển vượt bậc và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Các nhà hoạch định chính sách đang dần gỡ bỏ các rào cản của quy định pháp luật, thủ tục hành chính, thuế quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài phát triển kinh tế. Trước những làn sóng đầu tư mạnh mẽ của các nhà đầu tư nước ngoài hiện nay, thì các doanh nghiệp trong nước mà chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang phải đối mặt với sự cạnh tranh mang tính sống còn với các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới, nhất là khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại quốc tế WTO. Nhiệm vụ đặt ra là nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật sẽ là một điều kiện then chốt, một đòi hỏi bắt buộc để phát triển nền kinh tế hiện nay

Công ty cổ phần là một thực thể pháp lý, là chủ thể của quan hệ pháp luật có tư cách pháp nhân. Cũng giống như con người, trong quá trình hoạt động công ty cổ phần phát sinh các trách nhiệm với nhà nước, với chủ nợ, với đối tác, với khách hàng và nó cũng có thể là chủ nợ. Do đó, công ty cổ phần có thể là nguyên đơn và cũng có thể là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty cổ phần phải thông qua hành vi cụ thể của con người – người đại diện theo pháp luật. Bởi công ty cổ phần là một thực thể pháp lý độc lập, nhưng bản thân nó không thể hành động. Người đại diện theo pháp luật của công ty là người được chủ sở hữu cử ra thay mặt công ty để tiếp xúc, giao dịch với bên ngoài vì lợi ích của doanh nghiệp

Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc quản lý CTCP còn là một vấn đề khá mới mẻ nếu so với hàng trăm năm phát triển của nó ở các nước Châu Âu. Là nước đi sau, mặc dù có lợi thế lớn trong việc học tập kinh nghiệm của các nước đi trước nhưng việc quản lý CTCP ở nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa thể bứt ra khỏi những ảnh hưởng nặng nề của cơ chế kế hoạch hóa tập trung trước đây. Chẳng hạn

như những khó khăn, bất cập xuất phát từ việc ban lãnh đạo công ty can thiệp vào quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của cổ đông, một số cổ đông lớn (chủ yếu là cổ đông nhà nước) nắm giữ quyền khống chế công ty, xâm hại vào quyền lợi của đa số cổ đông thiểu số. Ban Kiểm soát mang tính hình thức, không phát huy được chức năng giám sát, v.v...

Có thể nói, những thực trạng nêu trên đã ảnh hưởng rất lớn tới sự lành mạnh hóa việc quản lý CTCP ở nước ta trong thời gian qua, do đó, đòi hỏi phải có sự quan tâm, nghiên cứu thấu đáo việc quản lý CTCP về mặt lý luận cũng như thực tiễn đồng thời đưa ra các biện pháp về mặt pháp lý để giải quyết những thực trạng đó. Vì vậy, tôi đã lựa chọn đề tài: “ ” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình với mong muốn góp phần nhỏ bé vào hoàn thiện pháp luật ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Mặc dù chế định người đại diện của công ty nói chung và người đại diện của pháp luật công ty cổ phần nói riêng đã có lịch sử tương đối lâu đời, nhưng cho đến nay ở Việt Nam vẫn đang thiếu những công trình nghiên cứu cách toàn diện và đầy đủ về chế định người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần. Phần lớn những nghiên cứu về đại diện của công ty cổ phần do các Chuyên gia nghiên cứu chủ yếu thể hiện dưới các bài báo cáo khoa học.

Đến nay chưa có một công trình nghiên cứu cụ thể, sâu sắc, mang tính hệ thống liên quan đến quy định của pháp luật về đại diện pháp luật của công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam. Các tác giả trong bài nghiên cứu của mình có đề cập đến người đại diện theo pháp luật của công ty nhưng chưa nêu lên được những bất cập trong thực tế khi xác lập thay đổi tư cách của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần thẩm quyền đại diện và xử lý các giao dịch vượt thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật.

Vì vậy đề tài này sẽ góp phần nhỏ tìm ra nguyên nhân của những bất cập trong các quy định của pháp luật về người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần định hướng đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật hiện nay

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Khoá luận xác định đối tượng nghiên cứu là những vấn đề về CP của CTCP như: Khái niệm CP; các loại CP; vấn đề chào bán, chuyển nhượng, mua lại CP cùng thực tiễn áp dụng pháp luật về CP....

Phạm vi nghiên cứu: Lý luận về CTCP là một lĩnh vực kiến thức lớn liên quan đến cả vấn đề kinh tế và vấn đề pháp lý. Do đó, luận văn xác định phạm vi nghiên cứu của mình ở những nội dung sau: Đưa ra những vấn đề lý luận chung nhất về CP và CTCP có sự so sánh ưu, nhược điểm với một vài loại hình doanh nghiệp khác. Sau đó, luận văn tập trung nghiên cứu sâu vấn đề CP trong CTCP. Trên cơ sở đó phát hiện ra được những hạn chế, thiếu sót của pháp luật về CP để có hướng hoàn thiện phù hợp.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Mục đích nghiên cứu của khoá luận là làm sáng tỏ vấn đề CP trong CTCP dưới góc độ pháp lý, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về CP và CTCP để đảm bảo thực thi có hiệu quả trên thực tế cụ thể như sau :

Thứ nhất, chỉ ra thực trạng pháp luật về quản lý CTCP tại Việt Nam, phân tích bình luận những quy định của pháp luật về quản lý CTCP và đánh giá tác động, ảnh hưởng của chúng trong thực tiễn quản lý CTCP.

Thứ hai, trên cơ sở phân tích thực trạng, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý CTCP.

Lý luận về CTCP là một lĩnh vực kiến thức lớn liên quan đến cả vấn đề kinh tế và vấn đề pháp lý. Do đó, khoá luận xác định phạm vi nghiên cứu của mình ở những nội dung sau: Đưa ra những vấn đề lý luận chung nhất về CP và CTCP. Sau đó, luận văn tập trung nghiên cứu sâu vấn đề CP trong CTCP. Trên cơ sở đó phát hiện ra được những hạn chế, thiếu sót của pháp luật về CP để có hướng hoàn thiện phù hợp.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khoá luận sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh để đánh giá các số liệu và thông tin thu thập được liên quan đến các vấn đề

pháp lý về quản lý CTCP ở Việt Nam. Bên cạnh đó trong phần thực trạng, khóa luận sử dụng chủ yếu số liệu từ cuộc Điều tra thực tế về quản trị CTCP

6. Đóng góp của đề tài

Về mặt khoa học, khóa luận góp phần làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Những nghiên cứu, đề xuất của luận văn góp phần vào việc hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức quản lý CTCP.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của khóa luận sẽ là tài liệu tham khảo trong các cơ sở đào tạo về pháp luật

7. Kết cấu bài khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục chữ viết tắt, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý Công ty cổ phần

Chương 2: Thực trạng quản lý công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý công ty cổ phần.

Trên đây là những thông tin khái quát về nội dung khóa luận tốt nghiệp của em, do còn nhiều hạn chế về kiến thức nên chắc chắn khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô để em có được những bài học kinh nghiệm cho mình về sau.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1 Công ty cổ phần và quản lý công ty cổ phần

1.1.2 Khái niệm Công ty cổ phần

Theo Điều 111 LDN 2020:

Công ty cổ phần là một loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được thành lập theo trình tự thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật, công ty cổ phần được thành lập do sự góp vốn của các cổ đông, số lượng tối thiểu là ba cổ đông không có giới hạn số lượng.

Vốn điều lệ mà công ty cổ phần đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, ghi trong điều lệ công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.

Cổ phần của công ty cổ phần được phân loại thành nhiều loại với chức năng, tính chất khác nhau bao gồm: cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, các cổ phần khác theo điều lệ công ty.

Công ty cổ phần có thể huy động vốn một cách linh hoạt thông qua nhiều hình thức từ cách khoản vay từ các tổ chức, cá nhân, hoặc thông qua cách thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu.

Cổ đông có thể thực hiện chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trong phạm vi pháp luật quy định. Cổ đông sẽ phải chịu trách nhiệm phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty như các khoản nợ hay nghĩa vụ khác trong phạm vi vốn góp của mình.

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có thể thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty sao cho phù hợp với mục đích phát triển, nhằm đem lại lợi ích tối ưu nhất cho công ty.

1.1.2 khái niệm quản lý công ty cổ phần

Quản lý CTCP là hoạt động quan trọng trong việc đảm bảo sự vận hành trơn tru của một tổ chức hay bộ máy. Chức năng quản lý được thực hiện thông qua những công cụ quản lý với những nội dung quản lý nhất định mang tính chuyên môn cao.

Khi nói đến quản lý CTCP là nói đến các trung tâm hay cơ cấu quyền lực ở đó. Theo quan niệm của luật học, quản lý CTCP là phương thức tổ chức các cơ quan quyền lực trong công ty và mối quan hệ quyền lực giữa các cơ quan đó. Chính vì có liên quan đến việc bố trí và tổ chức quyền lực, nên quản lý CTCP còn được gọi là “Cơ cấu quản lý CTCP” (Corporate Governance Structure). Nhìn chung, trong các CTCP thông thường thiết lập ba cơ quan có quyền lực chủ yếu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Theo nghĩa hẹp, quản lý CTCP có nghĩa là cách thức tổ chức và phân chia quyền lực giữa ba cơ quan nêu trên và mối quan hệ giữa chúng. Luật Công ty Anh Quốc (năm 1985) xác định quản lý công ty là một thiết chế pháp lý về mối quan hệ giữa cổ đông, thành viên HĐQT và kiểm soát viên. Theo đó, các thành viên HĐQT là người quản lý điều hành và lãnh đạo công ty thực hiện mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận; các cổ đông bảo đảm các thành viên HĐQT làm việc đúng hướng và đúng luật pháp; và các kiểm soát viên thực hiện quyền và nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý kinh doanh của HĐQT để bảo đảm công ty không có sai phạm về tài chính và bảo đảm HĐQT được đề xuất báo cáo tài chính một cách chân thực và công bằng.

Tại Việt Nam, khái niệm quản lý CTCP cũng tương tự như ở các nước khác. Theo Tiến sỹ Phạm Ngọc Côn: “Cơ cấu quản lý doanh nghiệp là sự thiết lập, vận hành của các cơ quan quyền lực trong doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực đó. Một cơ cấu quản lý doanh nghiệp có hiệu quả được thể hiện ở sự hợp tác lâu dài giữa những người có quan hệ lợi ích trên cơ sở cân đối trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích”. Ở đây, “doanh nghiệp” có thể được hiểu là CTCP.

Trên cơ sở tham khảo các khái niệm nêu trên và nghiên cứu các quy định của LDNVN 2020 về cơ cấu tổ chức quản lý CTCP, Quản lý CTCP được trình bày trong phạm vi khóa luận được định nghĩa là cách thức tổ chức các cơ quan quyền lực của công ty bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, GĐ/TGĐ, BKS và mối quan hệ quyền lực giữa các cơ quan đó.

Khái niệm về người quản lý công ty cổ phần không được quy định một cách cụ thể trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, mà dựa trên khái niệm về người quản lý doanh nghiệp tại Khoản 24, Điều 4, theo đó: Người quản lý doanh nghiệp là người

quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Trách nhiệm của người quản lý công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp gồm:

Thứ nhất, thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thứ hai, thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

Thứ ba, trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thứ tư, thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của LDN 2020

Thứ năm, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

- Đặc trưng của việc quản lý CTCP

Sự khác biệt mang tính bản chất giữa CTCP và các doanh nghiệp cổ điển chính là việc quyền sở hữu tách biệt với quyền quản lý điều hành, hay nói cách khác tức là chủ sở hữu công ty xa rời với việc quản lý điều hành. Chính vì thế, vấn đề làm sao tạo ra sự tự do không quá lớn, sự giám sát không quá yếu để khuyến khích những người quản lý điều hành (thường là thành viên ban giám đốc, HĐQT) hành động một cách năng động, sáng tạo, linh hoạt vì lợi ích của chủ sở hữu công ty đã trở thành một bài toán khó từ hàng trăm năm nay đối với vấn đề quản lý CTCP.

Đi theo vấn đề trên chính là sự phân chia quyền lực giữa các cơ quan quản lý trong công ty để tạo ra một cơ chế vừa bảo đảm cổ đông được thực hiện quyền sở hữu công ty vừa bảo đảm cho nhóm người quản lý điều hành có quyền thiết thực để quản lý kinh doanh có hiệu quả. Trong cơ cấu tổ chức quản lý CTCP, toàn thể các

cổ đông hợp thành một cơ quan để hình thành ý chí và thể hiện lợi ích của toàn thể các cổ đông, đó là ĐHĐCĐ - cơ quan quyết định cao nhất. Cơ quan này xây dựng và thông qua một quy chế quản lý chung được gọi là Điều lệ. Theo Điều lệ công ty, ĐHĐCĐ bầu ra và ủy quyền một số người để hình thành cơ quan chấp hành là HĐQT để thực hiện ý chí của cơ quan quyết định. Bên cạnh cơ quan chấp hành, ĐHĐCĐ lại bầu ra và ủy quyền cho một nhóm người để hình thành cơ quan giám sát là BKS để thường xuyên kiểm soát hoạt động quản lý điều hành của cơ quan chấp hành. Cơ cấu quản lý như vậy đã thể hiện sự tách biệt giữa quyền sở hữu với quyền quản lý kinh doanh và sự cân bằng giữa các cơ quan quyền lực trong nội bộ công ty.

Như vậy, có thể nói rằng, cơ sở của chế độ quản lý CTCP chính là cơ chế phân quyền và mối quan hệ quyền lực giữa các cơ quan quyền lực trong công ty trên cơ sở tách biệt quyền sở hữu với quyền quản lý kinh doanh của công ty.

- Trọng tâm của quản lý CTCP

Khi công việc quản lý kinh doanh ngày càng phức tạp và chuyên nghiệp thì quyền chi phối công ty của nhóm người quản trị ngày càng lớn, trong khi đó đông đảo các nhà đầu tư (các cổ đông), do đã chuyển giao tài sản và quyền sở hữu tài sản cho công ty, đã từ chủ sở hữu tài sản trở thành người chỉ thu nhận khoản tiền lợi tức theo định kỳ. Nhưng về mặt pháp lý, cổ đông vẫn là chủ sở hữu của công ty.

Cổ đông có quyền yêu cầu có một cơ chế hữu hiệu để bảo vệ các quyền lợi của mình cũng như để công ty được đứng vững và phát triển mạnh mẽ. Cho nên, vấn đề làm sao để xây dựng một cơ chế hợp lý để các cổ đông có thể kiểm soát và khống chế hoạt động của HĐQT và đội ngũ giám đốc đã trở thành một vấn đề được quan tâm rộng rãi. Đó chính là trọng tâm của việc quản lý CTCP.

1.2 Nội dung về quản lý công ty cổ phần theo pháp luật hiện hành

Bên cạnh các luật định có liên quan tới việc điều chỉnh doanh nghiệp và các quan hệ xoay quanh doanh nghiệp thì nguồn luật chủ yếu để điều chỉnh vẫn là LDN 2020 bao gồm về các vấn đề thành lập, tổ chức, quản lý hoạt động của CTCP. LDN 2020 có 218 Điều khoản và có tới 66 Điều khoản quy định riêng về điều chỉnh các vấn đề liên quan tới CTCP (Từ Điều 111 đến Điều 176 LDN 2020).

Các văn bản luật chuyên ngành: Chẳng hạn như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Dầu khí, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, v.v. Ngoài ra, các Luật sửa đổi, bổ sung các luật trên và các luật chuyên ngành khác được Quốc hội thông qua

- + Nghị định số 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp

- + Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020

- + Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp ngày 04 tháng 01 năm 2021

- + Nghị định số: 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp

- + Văn bản hợp nhất 20/VBHN-BTC năm 2021 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về lệ phí môn bài do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

- + Nghị định Số: 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

- + Nghị định Số: 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

- + Nghị định Số: 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

- + Nghị định Số: 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

- + Nghị định Số: 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- + Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp ngày 16 tháng 03 năm 2021

- + Thông tư số: 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016

+ Thông tư Số: 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2015 hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp

+ Thông tư Số: 132/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ

+ Nghị Quyết 71/2006/QH11 của Quốc Hội ngày 29 tháng 11 năm 2006 về việc phê chuẩn Nghị định thư gia nhập hiệp định thành lập WTO của nước CHXHCNVN.

+ Các văn bản dưới luật khác của các luật chuyên ngành đã kể ở trên.

Điều 137 LDN 2020 quy định:

Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

+ CTCP có ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, GD/TGD. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.

+ CTCP có ĐHĐCĐ, HĐQT, GD/TGD. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

1.2.1 Bộ máy quản lý công ty cổ phần

- Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

- Giám đốc/ Tổng giám đốc

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty là người thay mặt Hội đồng quản trị quản lý và điều hành việc kinh doanh hàng ngày công ty. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ thành viên của Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc/ Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về những quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc/ Tổng Giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm những chức danh quản lý khác trong công ty thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ khác.

1.2.2 Hội nghị cổ đông

Hội nghị cổ đông là khái niệm chưa được định nghĩa trong luật định cụ thể là trong LDN 2020. Vậy hội nghị cổ đông là gì. Hiểu đơn giản thì hội nghị cổ đông là hội nghị biểu quyết của công ty cổ phần, trong đó, hội nghị sẽ đưa ra các quyết định dựa trên quyền biểu quyết của các cổ đông để quyết định những vấn đề quan trọng của công ty cổ phần cụ thể:

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập bởi HĐQT trong các trường hợp quy định sau: HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; Theo yêu cầu của một cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 0,5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát (khoản 1 Điều 139 và khoản 1 điều 140 , LDN 2020).

- Điều kiện tỷ lệ triệu tập cuộc họp:

DHĐCĐ được tiến hành khi có: (i) số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần đầu; (ii) số cổ đông đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần 2; hoặc (iii) các cổ đông có mặt tại cuộc họp (không phụ thuộc số cổ đông dự họp) đối với triệu tập lần 3 (Điều 145 LDN 2020)

- Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

Quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây: Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với các quyết định – về: (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần; (ii) sửa đổi, bổ sung điều lệ CTCP, hoặc (iii) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản (trừ khi điều lệ CTCP có quy định một tỷ lệ khác). (iv) Được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (khoản 1, khoản 2 và khoản 4 điều 148 LDN 2020)

1.2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của công ty, báo cáo, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Như vậy chương 1 đã làm rõ cơ sở lý luận tổng quan hơn về CTCP và quản lý CTCP, khái quát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy trong việc thực hiện quản lý CTCP.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1 Tổ chức máy quản trị Công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức và quản lý trong công ty cổ phần: Theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 thì trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

Thứ nhất, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

Thứ hai, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.’

a, Mô hình thứ nhất:

Đại Hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

Theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, ĐHĐCĐ có một số quyền và nghĩa vụ sau đây:

- + Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;+ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

- + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm...

Bộ máy quản trị Công ty cổ phần được quy định chi tiết sau đây bao gồm:

Thứ nhất, Đại hội đồng cổ đông

- Thành phần ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP (khoản 1 điều 138).

Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (được gọi là cổ đông phổ thông) và cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông không có quyền biểu quyết là cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.

Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ, khoản 2 điều 138 LDN 2020 quy định quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ gồm:

+ Quyết định số phận của công ty: Thông qua định hướng phát triển của công ty; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty

+ Quyết định tài chính của công ty bao gồm: Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ không quy định một tỷ lệ khác; Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

+ Quyết định người lãnh đạo công ty: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công chúng và cổ đông công ty; Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phê duyệt danh sách

công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

- Cuộc họp ĐHĐCĐ:

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập bởi HĐQT trong các trường hợp quy định sau: HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; Theo yêu cầu của một cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 0,5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát (khoản 1 Điều 139 và khoản 1 điều 140 , LDN 2020).

- Điều kiện tỷ lệ triệu tập cuộc họp:

ĐHĐCĐ được tiến hành khi có: (i) số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần đầu; (ii) số cổ đông đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần 2; hoặc (iii) các cổ đông có mặt tại cuộc họp (không phụ thuộc số cổ đông dự họp) đối với triệu tập lần 3 (Điều 145 LDN 2020)

Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây: Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với các quyết định – về: (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần; (ii) sửa đổi, bổ sung điều lệ CTCP, hoặc (iii) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản (trừ khi điều lệ CTCP có quy định một tỷ lệ khác). (iv) Được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (khoản 1, khoản 2 và khoản 4 điều 148 LDN 2020).

Thứ hai, hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (khoản 1 Điều 153).

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:

+ HĐQT có không ít hơn 3 thành viên, không quá 11 thành viên, được ĐHĐCĐ bổ nhiệm và bãi nhiệm. (Điều 154)

+ Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 5 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Theo khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, HĐQT có quyền và nghĩa vụ nổi bật sau đây:

+ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

+ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

+ Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

+ Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty...

- Về chủ tịch HĐQT:

+ Chủ tịch HĐQT được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo điều lệ và người này có thể kiêm TGĐ công ty nếu Điều lệ công ty không cấm.

+ Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT bao gồm: (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; (ii) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; (iii) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT; (iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; (v) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ.

- Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

Quyền kiến nghị: Bao gồm: (i) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; (ii) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ; (iii) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả

cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; (iv) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty; (v) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

Quyền quyết định: Bao gồm các quyết định: (i) Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; (ii) Chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; huy động thêm vốn theo hình thức khác; (iii) Giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; (iv) Mua lại cổ phần; (v) Phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo luật hoặc Điều lệ công ty; (vi) Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của

công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ; trừ một số hợp đồng và giao dịch bị hạn chế; (vii) Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

Quyền quyết định về nhân sự: Bao gồm: (i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; (ii) Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty

- Về cuộc họp HĐQT:

HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường, tại trụ sở chính của công ty hoặc ở một nơi khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường theo yêu cầu của (i) Ban kiểm soát, (ii) TGD hoặc ít nhất 5 người quản lý khác, (iii) ít nhất 2 thành viên HĐQT, hoặc (iv) các trường

hợp khác quy định trong điều lệ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp bất thường trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị đã nêu, đồng thời phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp cùng với tài liệu kèm theo cho các thành viên BKS và TGD cũng như cho thành viên HĐQT.

Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư ($\frac{3}{4}$) tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn

Thông qua quyết định HĐQT: HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết, tức là – khác với ĐHĐCĐ – HĐQT quyết định theo đầu người. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Thứ ba, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc:

GD/TGD được HĐQT bổ nhiệm/bãi nhiệm hoặc cách chức, họ có thể là thành viên của HĐQT hoặc là một người khác do HĐQT thuê. GD/TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của GD/TGD không quá năm năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Pháp luật về doanh nghiệp hiện hành không cấm Giám đốc, Tổng giám đốc công ty của Công ty này làm Giám đốc, Tổng giám đốc của công ty khác. Trừ trường hợp đối với Giám đốc, Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 101 LDN 2020 và Điều 10 thông tư số 121/2020/TT - BTC quy định về về Giám đốc, Tổng giám đốc công ty chứng khoán.

- Quyền và nhiệm vụ của GD/TGD bao gồm:

+ Quyền kiến nghị lên HĐQT: Gồm kiến nghị (i) Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh, và (ii) Phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

+ Quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT gồm: (i) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; (ii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; (iii) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; (iv) Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của GD/TGD; (v) Tuyển dụng lao động; (vi) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT.

.b, Mô hình thứ hai

Mô hình này không bắt buộc phải thành lập Ban Kiểm soát mà thay vào đó là Ủy ban kiểm toán (UBKT) thuộc HĐQT.

UBKT là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. UBKT có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên khác của UBKT phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Căn cứ khoản 3 Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020, một số quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:

+ Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

+ Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

+ Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ...

Như vậy, công ty cổ phần có 02 mô hình hoạt động. Ngoài hai mô hình này, công ty cổ phần cũng có thể thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý nếu pháp luật chứng khoán có quy định khác.

2.2 Hội nghị cổ đông công ty cổ phần

a, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần được quy định như sau:

Thành phần tham dự là tất cả cổ đông của công ty

Quyền dự họp ĐHĐCĐ: Quyền dự họp ĐHĐCĐ là quyền quan trọng nhất của cổ đông, là phương thức chủ yếu để thể hiện tư cách cổ đông. Cuộc họp ĐHĐCĐ là nơi quan trọng để cổ đông thực hiện các quyền của mình và là cơ hội để cổ đông phát biểu các ước nguyện của mình. Chính vì vậy, ĐHĐCĐ cần tìm mọi khả năng mở cửa cho tất cả các cổ đông.

Tuy nhiên, khoản 1 Điều 138 LDN 2020 quy định ĐHĐCĐ chỉ gồm các cổ đông có quyền biểu quyết. Như vậy, tức là chỉ có cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi biểu quyết mới có quyền dự họp ĐHĐCĐ còn những cổ đông không có quyền biểu quyết (gồm các cổ đông ưu đãi cổ tức và các cổ đông ưu đãi hoàn lại) theo quy định tại khoản 3 của Điều 117 và khoản 3 Điều 118 LDN 2020 thì không có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Việc LDN 2020 trực tiếp tước quyền dự họp ĐHĐCĐ của những cổ đông không có quyền biểu quyết như quy định này có phần không hợp lý, can thiệp vào quyền của các cổ đông.

Quyền tiếp cận thông tin: Cổ đông có quyền yêu cầu, xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, đồng thời yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác. Có thể sao chụp Điều lệ công ty và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc cổ đông phổ thông thực hiện các quyền như quyền biểu quyết, bổ miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS, kiểm soát hoạt động kinh doanh, quyết định mua bán cổ phiếu, v.v, đều phải dựa trên cơ sở nắm bắt đầy đủ các thông tin về tài chính và khả năng kinh doanh của công ty. Vì vậy, Luật Công ty của tất cả các nước đều quy định cổ đông có quyền tìm đọc tài liệu và được thông báo thông tin hữu quan của công ty. Tuy nhiên, pháp luật các nước cũng không phải quy định cho tất cả các cổ đông có quyền tìm đọc và được biết bất cứ một thông tin nào, mà thông thường có sự hạn chế về mức cổ phần tối thiểu mà một cổ đông cần phải nắm giữ. Đối tượng của quyền tìm đọc và được thông tin theo LDN 2020 là khá hạn chế, bị giới hạn

trong phạm vi: “Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ”. Chỉ có cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có quyền xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, Báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS. LDN 2020 không quy định cổ đông được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về giấy tờ, hồ sơ kế toán của công ty. Quyền khởi kiện của cổ đông: Trong trường hợp quyền lợi hợp pháp của cổ đông bị xâm hại, cổ đông có quyền khởi kiện ra Tòa và yêu cầu Tòa án buộc người xâm phạm bồi thường thiệt hại. Luật Công ty của các nước thường quy định quyền khởi kiện của cổ đông gồm có hai loại là tố tụng trực tiếp và tố tụng đại diện.

Tố tụng trực tiếp có nghĩa là bản thân cổ đông làm nguyên đơn khởi kiện công ty trước Tòa án để bảo vệ lợi ích của chính mình. Loại tố tụng này bao gồm: yêu cầu hủy bỏ hoặc tuyên bố vô hiệu các Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT, yêu cầu bồi thường thiệt hại; khởi kiện trực tiếp thành viên HĐQT, GD/TGD nếu họ có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT, gây thiệt hại cho quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Tố tụng đại diện có nghĩa là trong trường hợp lợi ích của công ty bị xâm hại nhưng công ty không đứng ra khởi kiện thì cổ đông đứng ra thay công ty để kiện ra Tòa và kết quả tố tụng sẽ thuộc về công ty. Lợi ích của công ty cũng là lợi ích của cổ đông, vì vậy, việc cổ đông khởi kiện vì lợi ích của công ty về bản chất cũng là vì lợi ích của mình, tuy có quan hệ một cách gián tiếp.

LDNVN 2020 không quy định quyền cổ đông trực tiếp khởi kiện HĐQT hay yêu cầu toà án xem xét miễn nhiệm thành viên HĐQT hoặc BKS trong trường hợp cần thiết. Tuy nhiên, điều 151 LDN 2020 có thừa nhận quyền của cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ nếu trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của LDN 2020 và điều lệ công ty

hoặc trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Tuy nhiên, quy định về quyền tố tụng của cổ đông nêu trên còn sơ sài, chưa đủ mạnh để đảm bảo khả năng thực thi trong thực tiễn. Bên cạnh đó, quy định tại điều 151 này đặt ra một vấn đề đáng quan tâm là: nếu ĐHĐCĐ đã thông qua một nghị quyết vi phạm pháp luật nghiêm trọng và đã trải qua 90 ngày mà chưa có người khởi kiện để yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết này thì nên chăng nghị quyết đó có hiệu lực pháp luật hay không. Nếu theo quy định trên thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên về nguyên tắc một quyết định mà nội dung của nó trái với pháp luật không thể nào có hiệu lực pháp luật cho dù đã được thông qua trước một thời gian khá lâu.

Quyền biểu quyết: Các cổ đông có quyền biểu quyết bỏ phiếu tán thành hoặc phản đối những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Quyền biểu quyết là sự đảm bảo địa vị chủ sở hữu công ty của cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông đưa ý chí, nguyện vọng của mình vào các quyết sách của công ty. Về mặt pháp lý, mọi quyết sách trọng đại của công ty đều được hình thành bằng biểu quyết của toàn thể cổ đông. Cơ chế biểu quyết quyết định mức độ thực hiện các quyền lợi của cổ đông. Theo LDN 2020, cơ chế biểu quyết có những nội dung chính sau: Thứ nhất, phương thức biểu quyết: Khoản 1 điều 147 LDN 2020 quy định ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quy định này chưa nêu thật rõ phương thức biểu quyết, theo đó trong thực tế, phương thức biểu quyết có thể có ba loại là giơ tay, bỏ phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản.

Thứ hai, vấn đề đại diện dự họp ĐHĐCĐ: LDN 2020 đã có quy định cụ thể cho phép cổ đông có quyền trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền biểu quyết của mình trong các cuộc họp ĐHĐCĐ (khoản 1 điều 115 LDN 2020). Theo đó, Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 144 LDN 2020. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy

định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp (khoản 2 Điều 144 LDN 2020).

Thứ ba, chế độ bãi bỏ quyền biểu quyết: Để phòng ngừa những cổ đông lớn, công ty mẹ hoặc những cổ đông có quan hệ liên kết sẽ lạm dụng quyền biểu quyết của mình để trục lợi bất chính, đồng thời bảo vệ lợi ích của các cổ đông thiểu số, LDN 2020 có quy định những trường hợp bãi bỏ quyền biểu quyết của những cổ đông có liên quan trong những hợp đồng, giao dịch phải được hội đồng thành viên chấp thuận.

Thứ tư, về ưu đãi quyền biểu quyết: Cổ đông ưu đãi biểu quyết là cổ đông mặc dù có thể chỉ nắm một số lượng cổ phần rất nhỏ nhưng có quyền phủ quyết trong một số chính sách quan trọng (được quy định trong điều lệ) của CTCP. Theo khoản 1 Điều 116 LDN 2020 thì “chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp GCNĐKKD. Sau thời gian đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông”.

Theo quy định trên, chỉ có 2 loại cổ đông được quyền ưu đãi biểu quyết là cổ đông sáng lập và các tổ chức được Chính phủ ủy quyền. Việc cổ đông sáng lập được hưởng quyền ưu đãi biểu quyết có thể coi như là một loại thù lao giành cho cổ đông sáng lập vì sự cống hiến của họ trong việc thành lập công ty. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là Chính phủ dựa trên cơ sở và lý do gì để ủy quyền cho một tổ chức được hưởng quyền ưu đãi biểu quyết. Quy định như trên sẽ tạo nên sự bất bình đẳng giữa các cổ đông, tạo cơ hội cho cơ quan hành chính can thiệp vào sự tự chủ kinh doanh của công ty, trái với chính sách cổ phần hóa DNNN, gây trở ngại lớn cho việc xây dựng một cơ cấu quản lý CTCP lành mạnh và hiệu quả.

Trình tự tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ: Việc lên kế hoạch và tổ chức do Người triệu tập họp ĐHĐCĐ thực hiện. Một cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành theo trình tự sau sau:

+ *Thứ nhất*, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

+ *Thứ hai*, chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp: Người triệu tập ĐHĐCĐ sẽ chuẩn bị nội dung cuộc họp. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác.

+ *Thứ ba*, mời họp ĐHĐCĐ: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn

+ *Thứ tư*, Đăng ký cổ đông dự họp: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

+ *Thứ năm*, khai mạc và tiến hành bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu.

+ *Thứ sáu*, tiến hành cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng

quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây (Khoản 3 Điều 139 LDN 2020):

- + Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- + Báo cáo tài chính hằng năm;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- + Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây (Khoản 1 Điều 140 LDN 2020):

- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;
- + Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nếu HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty. Nếu HĐQT không triệu tập họp bất thường thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập. Nếu BKS không làm thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng (hoặc 1 tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty) đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ và có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh

doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu thấy cần thiết. Quy định này là một cách bảo vệ triệt để cổ đông ít vốn.

Như vậy, nói tóm lại, thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo LDN 2020 được xếp theo thứ tự như sau: HĐQT, BKS, Cổ đông. Cụ thể, trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp thì BKS có quyền triệu tập họp và cổ đông có quyền yêu cầu BKS triệu tập họp; trường hợp BKS lại không triệu tập họp thì những cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng đủ điều kiện có quyền triệu tập họp.

b, Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần

Tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần như sau:

- + Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

- + Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

- + Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- + Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật này.

c, Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần được quy định như sau:

Căn cứ Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần, cụ thể:

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

(i) Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

+ Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

+ Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

+ Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

(iii) Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

(iv) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

(v) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

(vi) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong

trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

(vii) Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- + Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- + Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

(viii) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- + Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- + Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

(ix) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

d, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần gồm:

Theo Điều 142 luật doanh nghiệp 2020, quy định về chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông trong Công ty Cổ phần như sau:

(i) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

(ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

(iii) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- + Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- + Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

(iv) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e, Về việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Về hình thức thông qua quyết định: ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp điều lệ công ty không quy định thì quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp: (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; (ii) Thông qua định hướng phát triển công ty; (iii) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS; (v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác; (vi) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; (vii) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Quyền bỏ, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và kiểm soát viên

HĐQT nắm quyền lực quản lý công ty còn các cổ đông thì thông qua ĐHĐCĐ bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT để một cách gián tiếp thực hiện quyền không chế công ty. Cho nên việc bỏ, miễn nhiệm các thành viên HĐQT cũng là một quyền rất quan trọng của các cổ đông.

Theo thống kê từ thực tiễn thi hành LDN 2020, có khá nhiều vụ tranh chấp phát sinh từ quyết định của ĐHĐCĐ đã xảy ra chủ yếu vì những lý do sau: (i) Sự tranh chấp về tư cách cổ đông dẫn tới hệ quả là tất cả các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ trở thành đối tượng tranh chấp; (ii) Quyết định không công bằng: Quyết định ưu đãi cho thành viên HĐQT trong việc mua cổ phần mới phát hành (số lượng, giá); Quyết định ưu đãi cho cổ đông lớn dưới danh nghĩa là cổ đông chiến lược; Quyết định ưu đãi cho “người lao động”; (iii) Quyết định không hợp pháp (cổ đông nắm đa số vốn tự ý quyết định); (iv) Không chấp nhận quyết định của ĐHĐCĐ, vì: Quyền lợi của mình không được như mong đợi; Cơ quan chủ quản không đồng ý với biểu quyết tán thành của người đại diện mình nắm phần vốn nhà nước¹. Những nguyên nhân này cho thấy LDN 2020 điều chỉnh về việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống.

2.3 Ban kiểm soát

a, Vị trí của Ban kiểm soát trong cơ cấu tổ chức

Trường hợp công ty cổ phần theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Ban kiểm soát trong trường hợp này là bắt buộc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.

Trường hợp công ty cổ phần theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

b, Cơ cấu tổ chức của ban kiểm soát

Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

c, Quyền hạn của ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo kinh doanh và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc các trường hợp khác.

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị. Có yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Quyền được cung cấp thông tin

+ Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

+ Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

+ Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

+ Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

+ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát

2.4 Đánh giá hoạt động của công ty cổ phần hiện nay

2.4.1, Về cổ đông trong công ty cổ phần

Một là, về thời điểm xác lập tư cách cổ đông: Khoản 4 Điều 124 LDN năm 2020 quy định "cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định tại khoản 2 Điều 122 LDN năm 2020 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty". Như vậy, trường hợp nhà đầu tư đã thanh toán đủ tiền góp vốn mua cổ phần nhưng vì một lý do khách quan hay chủ quan nào đó mà chưa được đăng ký thông tin vào sổ đăng ký cổ đông của CT thì nhà đầu tư vẫn chưa có tư cách cổ đông của CT đó.

Về vấn đề này việc đăng ký thông tin người mua vào sổ đăng ký cổ đông hoàn toàn chỉ là hình thức xác nhận việc mua cổ phần giúp CT có thể quản lý và liên hệ với các cổ đông, chứ không làm thay đổi bản chất của việc nhà đầu tư đã góp đủ vốn

mua cổ phần. Do đó, quy định trên của LDN năm 2020 là chưa hợp lý, không bảo đảm quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư, dẫn đến những tranh chấp không đáng có giữa nhà đầu tư và công ty

Hai là, về mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Khoản 1 Điều 132 LDN năm 2020 quy định: "Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình". Trong trường hợp này, CTCP "phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng". Về vấn đề này có hai điểm bất cập sau:

- + Quy định này được áp dụng khi mối quan hệ giữa cổ đông và CTCP đã không thể cứu vãn, cổ đông đã không muốn gắn bó với công ty nữa. Tuy nhiên, điều luật lại xác định thời hạn của việc "ly hôn" này lên đến 90 ngày là chưa hợp lý vì đây là một quãng thời gian khá dài để thực hiện thủ tục chấm dứt mối quan hệ này.

- + Trong trường hợp giữa cổ đông và CTCP không thỏa thuận được về giá mua, bán lại cổ phần, điều luật cho phép các bên có thể sử dụng tổ chức thẩm định giá và quy định CT giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn, nhưng không đề cập đến việc công ty hay cổ đông sẽ phải chịu khoản chi phí cho tổ chức thẩm định giá. Điều này sẽ dẫn đến tranh chấp giữa cổ đông và CTCP.

2.4.2 Về Hội đồng quản trị

Một là, về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 160 LDN năm 2020, ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp thành viên HĐQT có đơn từ chức và được chấp thuận. Tuy nhiên, Luật LDN năm 2020 không quy định ai là người có thẩm quyền chấp thuận và trong trường hợp thành viên HĐQT có đơn xin từ chức mà

không được chấp thuận thì sẽ xử lý như thế nào khi bản thân họ đã không còn muốn đảm nhận vai trò này nữa.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 160 LDN năm 2020 quy định: “Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này”.

Về vấn đề này, nếu nhìn theo hướng tích cực, quy định này sẽ làm thành viên HĐQT có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, quy định này mang lại lợi thế rất lớn cho các cổ đông lớn.

Bảo vệ cổ đông thiểu số trong CTCP luôn là một vấn đề được pháp luật quan tâm. Một trong những biện pháp bảo vệ cổ đông thiểu số trong CTCP là quy định biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (nếu Điều lệ công ty không có quy định khác). Với phương thức bầu dồn phiếu, trong trường hợp HĐQT có 05 thành viên thì nhóm cổ đông thiểu số sở hữu 20% cổ phần phổ thông có thể gom phiếu bầu để dồn hết cho đại diện của mình để chắc chắn có đại diện trong HĐQT. Tuy nhiên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đa số chỉ cần sở hữu trên 50% cổ phần phổ thông là có thể miễn nhiệm thành viên HĐQT đại diện cho nhóm cổ đông thiểu số, sau đó, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đa số này có thể thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT. Phương thức này sẽ vô hiệu hóa biện pháp bầu dồn phiếu nhằm bảo vệ cổ đông thiểu số.

Hai là, về hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: LDN năm 2020 quy định: “cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định của HĐQT” khi nghị quyết, quyết định này trái quy định của pháp luật, trái với nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc gây thiệt hại cho công ty. Tuy nhiên, khác với việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ, LDN năm 2020 lại không có quy định về thời hạn để cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của HĐQT.

Trong khi đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP mang tính liên tục và các vụ việc tranh chấp trong nội bộ doanh nghiệp nhiều khả năng có thể làm đứt quãng quá trình liên tục đó, gây ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp. Mặt khác, do HĐQT là cơ quan quản lý công ty nên các nghị quyết, quyết định của HĐQT cũng

được ban hành thường xuyên. Vì vậy, nếu thời hạn yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của HĐQT quá dài hoặc không có thời hạn thì khi xảy ra tranh chấp, có thể dẫn đến nhiều vướng mắc trong thực tiễn, gây thiệt hại, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP, cũng như tạo ra sự lúng túng cho các cơ quan xét xử.

Việc không quy định về thời hạn yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của HĐQT là một thiếu sót không hề nhỏ của LDN năm 2020. Để đặt ra thời hạn cho việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của HĐQT cần phải xem xét, so sánh với thời hạn hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thời hạn để cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ là "90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ". Mặt khác, nếu không tính các cuộc họp bất thường, ĐHĐCĐ họp thường niên chỉ mỗi năm một lần; trong khi đó, HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một lần. Điều này có nghĩa, các nghị quyết của HĐQT được ban hành với tần suất cao hơn và gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày của CT hơn rất nhiều so với nghị quyết của ĐHĐCĐ. Do đó, thời hạn hợp lý để cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của HĐQT phải được quy định ngắn hơn so với thời hạn yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

2.4.3 Về Giám đốc/Tổng giám đốc

LDN năm 2020 vẫn cho phép Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc CT ngoại trừ trường hợp CTCP đại chúng và CTCP do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Do đó, ở nhiều CTCP, nhất là những CT gia đình (hoặc xuất phát từ CT gia đình), có số lượng cổ đông không nhiều thì việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc khá phổ biến. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc tại CTCP sẽ dẫn đến những bất cập sau đây:

Một là, việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc CT sẽ dẫn đến quyền lực quyết định các vấn đề ở CTCP đều sẽ tập trung vào một người. Khi đó, việc người này lạm quyền trong giải quyết công việc là rất dễ xảy ra. Ví dụ cụ thể

cho vấn đề này là việc tranh chấp giữa vợ chồng ông Vũ và bà Thảo về quyền điều hành CTCP Trung Nguyên.

CTCP Trung Nguyên được thành lập vào ngày 12/4/2006 gồm 03 cổ đông bao gồm: CTCP Đầu tư Trung Nguyên (70%), ông Vũ (20%) và bà Thảo (10%). Trong đó, ông Vũ sở hữu 60% và bà Thảo sở hữu 30% vốn điều lệ trong CTCP Đầu tư Trung Nguyên. Ông Vũ là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CT, còn bà Thảo giữ chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực của CT. Theo đó, bà Thảo có quyền thực hiện các công việc điều hành và quản lý CT theo ủy quyền của Tổng giám đốc CT. Năm 2014, ông Vũ với tư cách Chủ tịch HĐQT của CT ban hành quyết định bãi nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực của bà Thảo tại công ty dù việc "bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý quan trọng khác của CT, quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó" được Điều lệ CT quy định thuộc quyền và nghĩa vụ của HĐQT. Đồng thời, ông Vũ cũng có những hành vi ngăn cấm, cản trở bà Thảo tham gia điều hành, quản lý CT như chỉ đạo nhân viên đập bỏ phòng làm việc của bà Thảo tại CT, ngăn cản không cho bà Thảo vào CT,... Cả hai cấp Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đều nhận định việc miễn nhiệm bà Thảo của ông Vũ mà không thông qua HĐQT và hành vi ngăn cấm, cản trở bà Thảo nêu trên là trái với quy định. Vì vậy, cả hai cấp xét xử đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thảo, hủy bỏ quyết định bãi nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc thường trực của bà Thảo và buộc ông Vũ “không được ngăn cấm, cản trở bà Thảo tham gia điều hành, quản lý công ty với tư cách là một thành viên HĐQT và Phó Tổng giám đốc thường trực”.

Qua vụ việc này, có thể thấy ông Vũ với tư cách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP tập đoàn Trung Nguyên đã có những quyết định, hành động vượt ngoài quyền hạn của mình và không đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ CT. Điều này dẫn đến tranh chấp trong nội bộ doanh nghiệp kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng không nhỏ đến việc sản xuất kinh doanh cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Hai là, Chủ tịch HĐQT và Giám đốc/Tổng giám đốc đều là những chức danh quản lý vô cùng quan trọng và có vai trò, nhiệm vụ khác nhau trong CTCP. Việc một người kiêm nhiệm hai chức danh này sẽ dẫn đến khó hoàn thành tốt được

chức năng, nhiệm vụ được phân công. Mặt khác, HĐQT có chức năng lựa chọn, bổ nhiệm, giám sát và thay thế các vị trí quản lý then chốt trong CTCP, trong đó có Giám đốc/Tổng giám đốc. Việc HĐQT thực tiễn tốt được chức năng này là một trong những nội dung cần hướng tới thuộc nguyên tắc thứ VI trong Bộ các nguyên tắc quản trị CT của G20/OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) về quản trị tốt cho doanh nghiệp. Ở những CT có Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc thì chức năng này sẽ không hiệu quả, thậm chí có thể bị vô hiệu hóa bởi quyền lực tập trung quá lớn vào một người giữ cả hai vị trí giám sát lẫn nhau này. Từ đó, ảnh hưởng không tốt đến việc quản trị nội bộ tại CTCP.

2.4.4 Về Ban Kiểm Soát

Thực tế ở Việt Nam cho thấy Ban kiểm soát đã chưa thể hiện đầy đủ vai trò bảo vệ cổ đông và nhà đầu tư. Do đó, rủi ro mà nhà đầu tư và cổ đông phải gánh chịu từ “sự lép vế” của Ban kiểm soát là rất lớn.

Đọc báo cáo của Ban kiểm soát trong các kỳ đại hội, cổ đông thường có cảm giác rằng các báo cáo này chỉ là bản sao các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Nội dung chủ yếu là “khen” Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, rất ít thông tin có ích cho cổ đông. Trong một số trường hợp, những vấn đề cần đưa vào báo cáo của Ban kiểm soát đã được thống nhất trước với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong phiên họp “trù bị” trước đó rồi. Do đó, tại đại hội, vai trò của Ban kiểm soát chỉ là ngồi cho đủ ban bệ.

Trong thời gian qua, có rất nhiều việc làm sai trái của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của cổ đông nhưng không hề có tiếng nói cảnh báo nào từ Ban kiểm soát cho đến khi sự việc bị phát hiện. Với tư cách là chủ sở hữu công ty và là người bầu ra Ban kiểm soát, chắc chắn cổ đông có lý do để bất bình về vai trò và chức năng của Ban kiểm soát.

Bên cạnh đó, mặc dù các quy định pháp luật đã trao cho Ban kiểm soát quyền được triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị không triệu tập họp hoặc có vi phạm nghĩa vụ quản lý, nhưng trên thực tế ở Việt Nam hiện nay, thực tế cho thấy, rất hiếm trường hợp Ban kiểm soát thực thi quyền hạn này.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc Ban kiểm soát chưa thực sự phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình đối với các cổ đông. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường không ưa Ban kiểm soát vì nếu có họ, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc sẽ không thể quyết định các vấn đề theo theo kiểu “dọc ngang nào biết trên đầu có ai” mà phải luôn dè chừng Ban kiểm soát với tư cách là cơ quan tư pháp có thể “thổi còi”. Vì thế, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tìm cách để tránh khỏi sự kiểm soát đó. Đây là nguyên nhân khiến hoạt động của Ban kiểm soát không hiệu quả.

Lập ra Ban kiểm soát để bảo vệ lợi ích cho mình nhưng đôi khi chính cổ đông lại không hiểu đúng vai trò của họ. Đại hội đồng cổ đông chỉ họp một, hai lần trong một năm và mỗi phiên họp thường diễn ra trong một ngày. Do đó, có trường hợp, do thời gian quá gấp rút, Đại hội đồng cổ đông chỉ kịp bầu ra Ban kiểm soát, và trao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát! Được trao quyền này, lẽ dĩ nhiên là Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giới hạn quyền của Ban kiểm soát tới mức có thể nhằm mở rộng quyền của mình. Thậm chí, tại một số công ty, cổ đông còn chấp thuận cho Hội đồng quản trị bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát, và tất nhiên là Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm “người trong nhà” để tăng thêm quyền lực cho mình và để “cùng hội cùng thuyền”. Ngoài ra, tại một số công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhiều khi cũng không rõ vai trò của Ban kiểm soát, coi Ban kiểm soát chỉ là một phòng Ban trong công ty, thậm chí ngay cả Ban kiểm soát cũng không rõ vai trò và quyền hạn của mình. Vì thế sự tồn tại của Ban kiểm soát nhiều khi mang nặng tính hình thức.

Theo luật định, thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Nghĩa là thành viên Ban kiểm soát sẽ chỉ là một người lao động bình thường, một nhân viên cấp thấp trong công ty. Trong vai trò kiểm soát viên, họ cần độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, còn trong vai trò người lao động, họ chịu sự quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Một câu hỏi đơn giản là trong hoàn cảnh này, Ban kiểm soát có thể độc lập kiểm soát hoạt động của công ty được không? Chắc chắn là không. Chính mâu thuẫn giữa hai vai trò này khiến cho thành viên Ban kiểm soát cùng lúc chịu nhiều áp lực và thông thường, họ sẽ chọn

lựa vai trò người lao động vì đầu sao, hàng tháng họ vẫn phải nhận tiền lương của công ty.

Ngoài tâm lý “đĩ hòa vi quý” của các thành viên Ban kiểm soát, trong nhiều trường hợp, các thành viên Ban kiểm soát còn có sự câu kết với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để hưởng lợi bất chính. Vai trò của Ban kiểm soát chưa được các văn bản luật đề cao. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, văn bản do Ban kiểm soát ban hành về việc kiểm tra, giám sát chỉ có ý nghĩa cảnh báo. Ngay cả khi phát hiện hành vi vi phạm nghĩa vụ quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát chỉ có quyền yêu cầu các cá nhân liên quan chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Ban kiểm soát không có quyền sa thải người lao động nếu họ sai phạm. Tại Việt Nam, các cơ quan nhà nước, hoặc bên thứ ba chỉ quan tâm đến người nào là đại diện theo pháp luật của công ty chứ không quan tâm ai là thành viên hoặc trưởng Ban kiểm soát của công ty.

Báo cáo của Ban kiểm soát thường được trình cho Đại hội cổ đông vào mỗi kỳ họp. Thời gian giữa các kỳ họp lại quá xa và như vậy, báo cáo của Ban kiểm soát không còn tính thời sự. Bên cạnh đó, các quy định hiện hành về chế độ kế toán, các báo cáo hàng năm của Công ty cổ phần phải nộp cho cơ quan thuế chỉ gồm bản cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm cũng chỉ bao gồm các tài liệu trên.

Như vậy, báo cáo của Ban kiểm soát không phải là tài liệu bắt buộc phải nộp cho cơ quan quản lý hoặc công bố thông tin theo quy định. Như đã nêu ở trên, báo cáo của Ban kiểm soát là một tài liệu quan trọng, giúp nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có được cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp từ góc độ mà các bản báo cáo tài chính không đề cập đến. Thông tin trong báo cáo của Ban kiểm soát có tầm quan trọng không kém các báo cáo tài chính. Do đó, cần phải xem xét việc yêu cầu Công ty cổ phần, nhất là công ty đại chúng, phải công bố báo cáo của Ban kiểm soát cùng với báo cáo tài chính.

Nếu toàn bộ quyền lực trong Công ty cổ phần đều tập trung vào Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, thì không ai dám khẳng định rằng họ không lạm quyền và khi đó cổ đông sẽ không được bảo vệ. Ban kiểm soát là một cơ chế phù hợp để cổ đông tự bảo vệ mình. Muốn như thế, hoạt động của Ban kiểm soát cần được điều chỉnh bởi một khung pháp lý rõ ràng hơn, đồng thời chính cổ đông phải hiểu rõ và sử dụng vai trò của Ban kiểm soát một cách thông minh và phù hợp. Ngoài ra, khi được cổ đông tin tưởng và trao quyền, Ban kiểm soát phải có đủ khả năng và dũng khí thực thi nhiệm vụ, các báo cáo của Ban kiểm soát phải thể hiện được tính độc lập và chính xác. Chỉ có như vậy quyền lợi của cổ đông mới được bảo vệ và xã hội mới tránh được những thiệt hại từ sự sụp đổ của các Công ty cổ phần.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Thực tế những năm qua cho thấy, việc xây dựng hành lang pháp lý đặc biệt là pháp luật doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện và phù hợp với các cam kết của Việt Nam đối với quốc tế, đây chính là cơ sở quan trọng để hình thành các cơ chế quản trị doanh nghiệp.

Trên phương diện quản trị doanh nghiệp, có thể thấy LDN năm 2020 ra đời và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 đã xây dựng nền tảng cho việc hình thành cơ chế quản trị công ty, trong đó phải kể đến tính ổn định và hoàn thiện hơn của LDN năm 2020 so với LDN trước đây, nhiều quy định tương đối rõ ràng và phù hợp, tạo thành cơ chế quản trị phù hợp nhất là đối với loại hình CTCP mà cụ thể là Luật đã có các quy định bảo vệ, tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền hạn chính đáng của các chủ sở hữu; bảo đảm đối xử công bằng giữa các chủ sở hữu; công khai thông tin và minh bạch hóa cơ chế quản trị công ty; các quyền của Hội đồng quản trị và cơ chế giám sát Hội đồng quản trị của chủ sở hữu trong cơ chế quản trị công ty; đồng thời quy định cụ thể về quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên liên quan như cổ đông, Hội đồng quản trị, giám đốc điều hành trong đó đã chú ý bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng và cụ thể nhất cho hoạt động quản trị doanh nghiệp hiện nay.

Bên cạnh đó, một số quy định đã có nhưng còn chung chung, chưa cụ thể hoặc không phù hợp với thực tiễn. Những vấn đề trên đã khiến cho việc áp dụng pháp luật vào quản lý công ty cổ phần còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Từ những khó khăn, vướng mắc đó đưa ra kiến nghị và giải pháp sửa đổi hoàn thiện pháp luật cụ thể ở chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN

3.1 Hoàn thiện pháp luật về Hội đồng quản trị

Thứ nhất, cần bỏ điều kiện “được chấp thuận” tại điểm b khoản 1 Điều 160 LDN năm 2020. Theo đó, chỉ cần thành viên HĐQT có đơn từ chức thì ĐHĐCĐ tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT, vì khi họ đã không muốn tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của thành viên HĐQT nữa thì việc có được chấp thuận hay không cũng không còn ý nghĩa. Nếu miễn cưỡng giữ họ tiếp tục ở vị trí này thì không những không hiệu quả mà còn có thể gây thiệt hại cho công ty. Đồng thời, để có thể bảo vệ tốt hơn cổ đông thiểu số trong CTCP trong việc đề cử đại diện của mình trong HĐQT, cần sửa đổi khoản 3 Điều 160 theo hướng ĐHĐCĐ có thể quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT chỉ khi có căn cứ cụ thể, rõ ràng.

Theo đó, khoản 3 Điều 160 LDN năm 2020 cần được sửa lại như sau: “Trường hợp thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ của mình, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại cho công ty thì ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT”.

Thứ hai về thời hạn hợp lý để cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của HĐQT phải được quy định ngắn hơn so với thời hạn yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ. Theo đó, khoản 4 Điều 153 LDN năm 2020 cần được sửa lại như sau: “4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định HĐQT được thông qua, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên”.

3.2 Hoàn thiện các quy định pháp luật về cổ đông

Về thời điểm xác lập tư cách cổ đông (Khoản 4 Điều 124 LDN năm 2020) và mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông (Khoản 1 Điều 132 LDN năm 2020), cần sửa đổi quy định của khoản 2 Điều 132 LDN năm 2020 theo hướng rút ngắn thời hạn CTCP phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông và đồng thời, quy định rõ vấn đề chịu chi phí thanh toán cho tổ chức thẩm định giá trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được giá bán cổ phần mà phải sử dụng đến dịch vụ thẩm định giá. Theo đó, khoản 2 Điều 132 LDN năm 2020 cần được sửa lại như sau:

"2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí thanh toán cho tổ chức thẩm định giá do cổ đông và công ty thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì mỗi bên chịu một nửa".

3.3 Hoàn thiện các quy định pháp luật về GD/TGD

Cần sửa đổi LDN năm 2020 theo hướng bãi bỏ hoàn toàn quy định Chủ tịch HĐQT có thể được kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc CT để tách bạch hai chức danh Chủ tịch HĐQT với Giám đốc/Tổng giám đốc nhằm đảm bảo việc thực hiện tốt chức năng của từng vị trí theo quy định, từ đó cân bằng cán cân quyền lực trong doanh nghiệp. Đồng thời, việc quy định không cho phép Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc CT cũng góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa quy định của LDN với các luật chuyên ngành khác.

3.4 Quy định rõ về hoạt động Ban kiểm soát

Cần thiết phải sắp xếp lại quyền hạn của BKS, tăng cường quyền lực thiết thực để nó có thể thực hiện chức năng kiểm soát có hiệu quả. Cụ thể, hiện nay cần phải tăng cường tính độc lập của các kiểm soát viên đối với HĐQT và đối với các cổ đông chi phối, làm cho các kiểm soát viên chủ yếu là những người đại diện cho các cổ đông thiểu số. Đồng thời tăng cường trách nhiệm của các kiểm soát viên,

buộc họ phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại trong trường hợp HĐQT, TGD/GD vi phạm pháp luật và làm thiệt hại cho công ty.

3.5 Quy định về việc minh bạch hóa các thỏa thuận

Như thực trạng phân tích ở Chương II, LDN 2020 chưa có quy định điều chỉnh vấn đề khi có sự khác biệt giữa thỏa thuận cổ đông và Điều lệ công ty hoặc LDN. Trên thế giới, một điều chắc chắn là, không có đáp án chung cho câu hỏi về tính hiệu lực và có thể thi hành của thỏa thuận cổ đông khi nó trái với điều lệ hoặc pháp luật về doanh nghiệp. Nói cách khác, đây là vấn đề khó khăn khi các nhà lập pháp và tòa án mỗi nước phải quyết định xem pháp luật hợp đồng/luat dân sự (điều chỉnh thỏa thuận cổ đông) và pháp luật công ty (quy định về quyền hạn của công ty, các cổ đông, cơ quan quyền lực khác của công ty), cái nào sẽ chi phối /phủ quyết cái nào. Thỏa thuận cổ đông vốn được điều chỉnh bởi luật hợp đồng có thể có hiệu lực cao hơn các quy định của pháp luật công ty hay không.

Vì vậy, LDNVN nên có quy định tăng cường tính minh bạch trong các thỏa thuận giữa các cổ đông với nhau và giữa cổ đông với công ty thông qua Điều lệ công ty.ữa các cổ đông với nhau và giữa cổ đông với công ty

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong chương 3 này đã phân tích các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc, BKS những thành tố tạo nên khung pháp lý về quản trị công ty cổ phần và chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

KẾT LUẬN

Trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay, CTCP là một loại hình công ty phổ biến, đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, từ thực trạng các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn về quản lý CTCP ở Việt Nam hiện nay cho thấy, vấn đề quản lý CTCP ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập cần sửa đổi, bổ sung và sớm hoàn thiện. Mặc dù trong nội bộ CTCP, người quản lý, người lao động và các cổ đông đều mong muốn công ty kinh doanh có hiệu quả và phát triển bền vững, nhưng do có sự khác biệt về lợi ích giữa các cổ đông, sự tách biệt giữa người quản lý và người sở hữu nên đã tạo nên những xung đột, mâu thuẫn về lợi ích trong nội bộ công ty như xung đột về lợi ích giữa cổ đông nhỏ và những cổ đông lớn (cổ đông chi phối), xung đột giữa cổ đông với những người quản lý doanh nghiệp.

Để giải quyết những xung đột này, một trong những nhiệm vụ quan trọng của các nhà lập pháp Việt Nam hiện nay đó là làm sao để thiết lập một cơ cấu quản lý CTCP một mặt giao phó đủ quyền lực cho người quản lý điều hành, đảm bảo những ưu đãi về lợi ích nhằm thúc đẩy và nâng cao tinh thần trách nhiệm của họ, mặt khác có cơ chế giám sát tích cực, hiệu quả để tránh việc họ gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông vì lợi ích cá nhân.

Một cơ cấu quản lý CTCP hoàn thiện và hợp lý có thể sẽ mang lại những mối quan hệ xã hội tốt đẹp, một đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc và một nền quốc phòng hùng mạnh. Khi đất nước Việt Nam chúng ta đang trên đà phát triển, xây dựng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay, thì vấn đề làm sao để xây dựng một cơ cấu quản lý CTCP có hiệu quả cao ngày càng có ý nghĩa then chốt và có tính cấp bách.

Vấn đề này đòi hỏi phải có sự nỗ lực và phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các Bộ, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp từ Trung Ương đến địa phương. Trên đây là trình bày toàn bộ khóa luận tốt nghiệp của em. Qua đây, Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Bùi Xuân Đức đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận của mình. Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Luật Công ty năm 1990.
2. Luật Doanh nghiệp năm 2014.
3. Luật Doanh nghiệp năm 2020.
4. Luật Chứng khoán năm 2019

DANH MỤC CÁC WEBSITE THAM KHẢO

1. <https://luathungthang.com/tu-van-phap-luat/luat-doanh-nghiep/co-cau-to-chuc-va-quan-ly-trong-cong-ty-co-phan-theo-luat-doanh-nghiep-2020/>
2. <https://luatduonggia.vn/quy-dinh-ve-trach-nhiem-cua-nguoi-quan-ly-cong-ty-co-phan/>
3. <https://luatvietnam.vn/doanh-nghiep/cong-ty-co-phan-561-19339-article.html>
4. <https://luathoangphi.vn/so-do-co-cau-to-chuc-cong-ty-co-phan/>
5. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/quy-trinh-co-ban-de-to-chuc-hop-hoi-dong-co-dong-cua-cong-ty-co-phan-la-gi-cuoc-hop-dai-hoi-dong-co-124061-8090.html>